

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
Năm 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

** Việc thành lập:*

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ/TCCB/LĐ ngày 30/07/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/09/1994 cùng các lần sửa đổi bổ sung.

** Chuyển đổi sở hữu:*

Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Quyết định số 3892/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2005 của Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012269 ngày 18/05/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 05/10/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Vốn điều lệ của Công ty là 25.927.400.000 đồng (*Hai mươi lăm tỷ chín trăm hai bảy triệu bốn trăm ngàn đồng Việt Nam*), trong đó Tổng Công ty Hàng không Việt Nam là cổ đông lớn (giữ 41,31%).

Trụ sở chính	: 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội
Điện thoại	: 04 38 271 351
Fax	: 04 38 271 925
Mã số thuế	: 0100107934

** Niêm yết :*

Căn cứ theo quyết định số 617/QĐ-SGDHN ngày 31/08/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà nội về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không .

Căn cứ Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN ngày 06/10/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà nội về việc chứng nhận Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không có mã chứng khoán ARM được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội kể từ ngày 31/08/2010.

Ngày 26/10/2010 Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không khai trương phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ARM trước sự chứng kiến của đại diện lãnh đạo Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX), đại diện đơn vị tư vấn Công ty CP chứng khoán quốc tế Việt nam (VIS) và các thành viên lãnh đạo, công nhân viên Công ty.

2. Quá trình phát triển

**Ngành nghề kinh doanh:*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 05/10/2009 ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh máy bay, động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị, dụng cụ, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Dịch vụ nhận gửi, chuyển, phát hàng hoá trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé, giữ chỗ hàng không trong nước và quốc tế;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh vật liệu, vật tư hàng hoá dân dụng;

- Kinh doanh trang thiết bị, máy móc y tế, vật tư, trang thiết bị trường học, đo lường, sinh học và môi trường, vật tư trang thiết bị văn phòng, các sản phẩm cơ điện, điện tử, điện máy và thiết bị tin học, thiết bị mạng máy tính;
- Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu, khai thuê hải quan;
- Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, mua bán trang thiết bị, phương tiện, vật tư và phụ tùng thay thế thuộc các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp, dầu khí, điện, than, khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm), xi măng, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm), bu chính viễn thông, thể thao và các ngành công nghiệp giải trí khác;
- Xây lắp các công trình điện đến 35KV;
- Kinh doanh xăng, dầu mỡ, khí hoá lỏng;
- Mua bán, cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá Công ty kinh doanh;
- Tư vấn du học;
- Kinh doanh hàng lương thực, thực phẩm và các sản phẩm chế biến từ lương thực, thực phẩm.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

** Tình hình hoạt động:*

Trong năm qua, Công ty đã tập trung trí tuệ, sức lực, vượt qua nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới. Lạm phát tăng cao, thị trường tài chính tiền tệ luôn biến động đặc biệt là tỷ giá ngoại tệ liên tục tăng và bất cập, ngoại tệ khan hiếm, lãi suất tín dụng tăng cao,... gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động XNK. Tuy nhiên, Công ty đã tận dụng mọi thời cơ, cơ hội khắc phục khó khăn đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, đời sống người lao động được cải thiện và nâng cao.

3. Định hướng phát triển

** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2011*

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010, tình hình thị trường năm 2011 bắt đầu hồi phục. Chính phủ đã áp dụng một số chính sách nhằm ổn định thị trường tiền tệ, quản lý chặt chẽ ngoại tệ và vàng, điều hành linh hoạt về tỷ giá đồng USD,... nhằm ngăn ngừa lạm phát tăng cao. Nhưng năm 2011 diễn biến phức tạp thị trường tài chính tiền tệ như cung, cầu về ngoại tệ, lãi suất và tỷ giá ngoại tệ mới dần dần đi vào ổn định, vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước, giá cả các mặt hàng ở thị trường ngày càng tăng cao,... Tính cạnh tranh trên thị trường ngày càng trở nên khốc liệt. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng tới Việt nam, trong đó có thị trường Hàng không.

Đội máy bay của VNA ngày càng tăng, một số hãng Hàng không tư nhân mới đã thành lập và sẽ đi vào hoạt động.

Căn cứ vào thực lực của Công ty; Căn cứ vào sự thay đổi về tổ chức, mô hình kinh doanh của một số đơn vị trong Tổng công ty HKVN và các đơn vị khác trong Ngành Hàng không Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm sát với tình hình thực tế trình Đại hội đồng cổ đông.

** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

Tăng trưởng cao và ổn định luôn được coi là một trong những mục tiêu quan trọng nhất trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Với tiêu chí tăng trưởng thành công trong thời gian qua do Công ty đã xác định hướng phát triển đúng đắn, có những quyết sách đảm bảo khả năng tăng doanh số, tăng lợi nhuận, mở rộng thị trường, giữ chân được nhân sự có phẩm chất và năng lực tốt; thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

Qua tổng kết thực tiễn, phân tích hiệu quả từng lĩnh vực kinh doanh, Công ty đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm cho thời gian tới. Công ty đã xác định được chiến lược phát triển trung và dài

hạn: Giữ vững thị trường, khách hàng truyền thống. Tập trung nguồn lực kinh doanh trong Ngành Hàng không và tập trung mở rộng thị trường vào một số lĩnh vực kinh doanh mới, có lợi thế cạnh tranh như cho thuê văn phòng, cho thuê kho, kinh doanh kho phụ tùng máy bay, nghiên cứu các phương án KD có SX, cung cấp dịch vụ Logistics cho thị trường. Mở rộng KD vào lĩnh vực công nông nghiệp, dầu khí, điện lực, xây dựng, giao thông vận tải, khai khoáng; Tập trung phát triển những nguồn lực cần thiết về vốn, về nhân lực, về khoa học công nghệ để đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu phát triển và hội nhập trong tương lai.

II Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất trong năm 2010:

Năm 2010, là một năm đầy khó khăn, thử thách, kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động. Thị trường tài chính, tiền tệ trong nước biến động thất thường khó kiểm soát, giá cả các mặt hàng đều tăng cao, ngoại tệ khan hiếm, tỷ giá cao biến động phức tạp, lãi suất ngân hàng liên tục tăng đã tác động xấu trực tiếp tới quá trình sản xuất kinh doanh XNK của từng doanh nghiệp trong đó có Công ty CP xuất nhập khẩu Hàng không. Tuy nhiên với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của HĐQT, Ban giám đốc, cộng với sự cố gắng, tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo của tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty, kết quả SXKD năm 2010 của Công ty đã hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2010 đã được ĐHQĐ của Công ty thông qua.

Với kết quả hoạt động SXKD đạt hiệu quả cao liên tục trong 4 năm và năm 2010, đồng thời không chỉ duy trì tăng trưởng về quy mô kinh doanh, Công ty tăng trưởng cả về năng suất và chất lượng để giữ được vị thế lớn mạnh lâu bền trên thị trường trong nước và quốc tế. Công ty CP xuất nhập khẩu Hàng không vinh dự là doanh nghiệp xếp thứ 180 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tăng trưởng cao nhất Việt nam – FAST500 (Bảng xếp hạng FAST500 do Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt nam – Vietnam Report thực hiện)

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2010:

Những chỉ tiêu quan trọng trong bảng tổng hợp cho thấy hiệu quả kinh doanh của Công ty đạt ở mức độ rất cao so với kế hoạch đặt ra cho năm 2010 (đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận). Điều đó chứng tỏ trong bối cảnh nền kinh tế của đất nước có rất nhiều khó khăn, lạm phát tăng cao hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty có hiệu quả và khẳng định tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2010

DVT: 1000 đ

Chỉ tiêu		Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ % hoàn thành KH năm 2010
1	Tổng doanh thu	232.261.128	254.418.059	109,54%
2	Lợi nhuận trước thuế	6.940.832	9.201.982	132,58%
3	Thu nhập bình quân	8.625/người/tháng	9.950/người/tháng	115,36%
4	Mức chia cổ tức	17,89 %	20 % <i>Dự kiến</i>	111,79%

3. Những tiến bộ Công ty đạt được:

*** Thành tựu đạt được và kết quả SXKD:**

Trong năm qua, Công ty đã tập trung trí tuệ, sức lực, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Để thực hiện tốt công tác điều hành và quản trị, Công ty đã triển khai làm những công việc cụ thể:

- Công ty đã ban hành và sửa đổi, bổ sung một số Quy định, Quy chế, Quy trình phù hợp với thực tế, đó là cơ sở tạo động lực và công cụ để quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2008 đã được công ty áp dụng nghiêm chỉnh. Sau 02 năm từ khi cấp lại chứng chỉ, Công ty đã xem xét, đánh giá, cải tiến khắc phục phòng ngừa thường xuyên.

- Về lĩnh vực kinh doanh dịch vụ XNK uỷ thác: Công ty đã thực hiện được nhiều hợp đồng XNK uỷ thác cho các đơn vị chủ yếu trong Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Đội máy bay của TCT HKVN ngày càng phát triển nên công việc uỷ thác nhập khẩu vật tư, phụ tùng, trang thiết bị, dụng cụ máy bay và các mặt hàng phục vụ cho ngành Hàng không ngày càng tăng trưởng đảm bảo cho hoạt động bay của VNA được thường xuyên liên tục và an toàn tuyệt đối.

- Về lĩnh vực kinh doanh bán hàng: Đây là hoạt động mang tầm quan trọng (doanh thu hoạt động này chiếm khoảng 75% tổng doanh thu toàn Công ty). Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra (đạt 105,88%); ngoài việc duy trì các mặt hàng và thị trường truyền thống trong đó chủ yếu là các đơn vị trong Ngành Hàng không, Công ty đã từng bước giữ ổn định kinh doanh mặt hàng bán lẻ vật tư, thiết bị cho ngành xây dựng, giao thông và khai khoáng; Mặt khác Công ty mở rộng kinh doanh bán hàng hoá phục vụ hành khách trên máy bay cho Tổng công ty HKVN và bán hàng hoá, thiết bị sân bay cho các Tổng công ty miền Nam, miền Trung. Doanh thu của hoạt động bán hàng XNK tăng trưởng hàng năm, hiệu quả theo chiều hướng tốt lên.

- Về lĩnh vực kinh doanh cho thuê văn phòng: Đây là lĩnh vực kinh doanh Công ty có nhiều kinh nghiệm. Tuy doanh thu chiếm tỷ trọng trên 2% tổng doanh thu, nhưng hoạt động mang lại công việc và hiệu quả ổn định. Năm 2010, Công ty đã đưa nhà B nói dài vào khai thác, nâng cao chất lượng phục vụ, sửa chữa cơ sở vật chất hiện có, mở rộng và tận dụng tối đa diện tích cho thuê.

- Về lĩnh vực kinh doanh bán vé máy bay: Với sự quan tâm của lãnh đạo Công ty, sự phấn đấu không mệt mỏi của người lao động đã giải quyết được việc làm và thu nhập ổn định.

- Về lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giao nhận, vận chuyển: Đây là lĩnh vực kinh doanh có tiềm năng mang lại hiệu quả kinh tế cao, ít rủi ro. Năm 2010, doanh thu của lĩnh vực chiếm khoảng 15% tổng doanh thu của Công ty đây là lĩnh vực phù hợp với điều kiện kinh doanh XNK của công ty góp phần tăng doanh thu và việc làm cho người lao động.

- Các lĩnh vực kinh doanh khác: như đầu tư sản xuất, ... đang được công ty tích cực triển khai, tìm cơ hội và giải pháp phù hợp để thực hiện, tránh rủi ro mang lại hiệu quả kinh tế, tạo điều kiện để công ty phát triển bền vững.

- So với kế hoạch đặt ra, năm 2010 Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu cơ bản như: Tổng doanh thu (đạt 109,54%), Lợi nhuận trước thuế (đạt 132,58%), mức chia cổ tức (đạt 111,79%).

*** Giải pháp:**

Để hoàn thành được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 và những năm tiếp theo, Công ty đã đề ra một số giải pháp quyết tâm thực hiện như sau:

+ Tập trung phát triển nguồn nhân lực thông qua việc đào tạo, đào tạo lại và tuyển dụng mới, đặc biệt chú ý xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận, chuyên viên chủ chốt có phẩm chất, năng lực và gắn bó với Công ty. Thực hiện sắp xếp lại cán bộ và lực lượng lao động cho phù hợp với tình hình mới.

+ Giữ vững thị trường, khách hàng truyền thống; Tập trung nguồn lực kinh doanh trong Ngành Hàng không và mở rộng thị trường và khách hàng mới.

+ Áp dụng các hình thức huy động vốn phù hợp và hiệu quả phục vụ cho kinh doanh và đầu tư vào các đề án, dự án.

+ Tiếp tục hoàn thiện các quy trình về hoạt động XNK, quy chế, quy định về trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ, công nhân viên trong việc thực hiện Hợp đồng kinh tế, ... nhằm tạo động lực khuyến khích người lao động phát huy khả năng và nâng cao trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- + Khai thác có hiệu quả và nâng cao chất lượng dịch vụ cho thuê văn phòng và cho thuê kho.
- + Từng bước triển khai kinh doanh kho phụ tùng máy bay, nghiên cứu các phương án KD và cung cấp dịch vụ Logistics .
- + Triệt để tiết kiệm, tránh lãng phí trong mọi hoạt động của Công ty.
- + Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2008
- + Xây dựng văn hoá Doanh nghiệp: Đoàn kết- Hợp tác – Phát triển.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Giữ vững và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh trong tương lai trên cơ sở nhu cầu thị trường, lợi thế cạnh tranh, tiềm lực của Công ty đảm bảo sự phát triển bền vững, đạt hiệu quả cao và hội nhập. Đặc biệt chú trọng triển khai đến lĩnh vực kinh doanh phụ tùng máy bay, cung cấp dịch vụ Logistics, ...Đó là những lĩnh vực có nhiều tiềm năng, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững, Công ty cần tập trung trí tuệ, nghiên cứu thị trường, tìm thị trường mới, tận dụng cơ hội và thời cơ phù hợp để triển khai có hiệu quả.

Căn cứ vào tình hình thực tế của những thuận lợi và những khó khăn của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty đã được HĐQT xem xét, cho ý kiến và thông qua. Một số chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD của Công ty cổ phần XNK Hàng không như sau:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch năm 2011

DVT: 1000đ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Năm 2011	
			Kế hoạch	% So với 2010
1	Nộp Ngân sách Nhà nước	10.436.980	8.899.114	85,27
2	Hiệu quả sử dụng vốn			
2	Tổng vốn đầu tư	3.045.145	5.974.000	196,18
3	Tổng Doanh thu	254.418.060	289.440.277	113,77
4	Tổng chi phí	245.216.077	281.356.002	114,74
5	Lợi nhuận			
	Lợi nhuận trước thuế	9.201.983	8.084.275	87,85
	Thuế TNDN	2.392.358	2.021.069	84,48
	Lợi nhuận sau thuế	6.809.625	6.063.206	89,04
6	Lao động (Người)	120	130	108,33
7	Vốn	25.927.400	25.927.400	100
8	Mức chia cổ tức dự kiến	20%	20,87%	104,37

5. Báo cáo tình hình tài chính:

- Khả năng sinh lời của Công ty năm 2010 trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho thấy tình hình SXKD có hiệu quả tương đối tốt. Cụ thể :

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu là: 3,6%

+Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu: 24,12%

+Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản: 7,83%

-Khả năng thanh toán của Công ty trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2010 cho thấy khả năng thanh toán được đảm bảo. Việc cân đối và sử dụng vốn tương đối có hiệu quả. Khả năng thanh toán nợ đến hạn là 1,37 lần, khả năng thanh toán nhanh là 0,66 lần.

- Công ty đã tích cực và có những giải pháp hữu hiệu thu hồi công nợ, đặc biệt là nợ quá hạn, cho nên công nợ phải thu-phải trả năm 2010 so với năm 2009 đều giảm theo chiều hướng tích cực; Cụ thể : các khoản phải thu giảm khoảng 26 tỷ tương đương giảm 39%, các khoản phải trả giảm 18 tỷ tương đương giảm 19%.

-Phân tích kết quả kinh doanh đạt được năm 2010 cho thấy cơ cấu lợi nhuận như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế: 9.201 triệu đồng

Trong đó: - Lợi nhuận từ hoạt động SXKD thông thường là: 7.854 triệu

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính là : 436 triệu đồng

- Thu nhập khác là : 911 triệu đồng

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Trong năm Công ty không trả cổ tức bằng cổ phiếu, không trả cổ phiếu thưởng, không phát hành thêm, chuyển đổi trái phiếu, mua cổ phiếu quỹ,...

- Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành : 2.592.740 cổ phiếu

Trong đó: + *Cổ phiếu cá nhân: 1.513.660 cổ phiếu*

+ *Cổ phiếu tổ chức: 1.079.080 cổ phiếu.*

- Cổ tức dự kiến : 20%

II. Báo cáo tài chính năm 2010 (đã được kiểm toán)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.343.644.918	125.342.753.845
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	51.280.379.195	31.664.073.724
1. Tiền	111		23.280.379.195	12.664.073.724
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.000.000.000	19.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.932.958.135	65.612.624.672
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	35.696.375.964	44.079.863.631
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	7.749.347.375	24.330.615.990
4. Các khoản phải thu khác	135		38.907.835	946.187.453
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	(3.551.673.039)	(3.744.042.402)
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	15.654.957.473	27.594.049.363
1. Hàng tồn kho	141		15.697.186.853	27.608.460.883
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.229.380)	(14.411.520)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		475.350.115	472.006.086
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		76.992.273	135.493.818
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(136.364)	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		262.885.528	135.903.175
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		135.608.678	200.609.093
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.152.015.040	7.593.815.032
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.152.015.040	7.573.815.032
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	10.152.015.040	7.035.390.859
- Nguyên giá	222		20.661.296.147	17.002.445.426
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.509.281.107)	(9.967.054.567)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		87.477.500	87.477.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.477.500)	(87.477.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	538.424.173
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	20.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	20.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.495.659.958	132.936.568.877

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		79.359.545.487	96.433.450.910
I. Nợ ngắn hạn	310		78.232.416.833	96.268.004.333
1. Phải trả người bán	312	4.6	12.601.381.948	22.094.345.061
2. Người mua trả tiền trước	313	4.7	54.102.366.759	63.316.822.346
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	2.747.743.863	1.987.506.928
4. Phải trả người lao động	315		4.377.632.905	2.340.368.012
5. Chi phí phải trả	316		82.364.091	246.307.118
6. Phải trả nội bộ	317		-	95.599.979
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.9	3.486.603.319	5.303.601.626
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		256.479.960	210.751.800
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		577.843.988	672.701.463
II. Nợ dài hạn	330		1.127.128.654	165.446.577
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		241.557.454	165.446.577
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		885.571.200	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.136.114.471	36.503.117.967
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.10	38.136.114.471	36.503.117.967
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.927.400.000	25.927.400.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.136.540.000	1.136.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.058.800.890	4.058.800.890
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.103.115.763	762.634.493
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.910.257.818	4.617.742.584
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.495.659.958	132.936.568.877

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	234.754.993.966	246.514.187.672
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	479.753.360
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	234.754.993.966	246.034.434.312
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	199.014.836.093	212.949.406.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.740.157.873	33.085.027.749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	18.376.606.080	15.989.113.798
7. Chi phí tài chính	22	5.4	17.940.809.999	18.690.836.707
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		519.373.060	533.448.619
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	27.365.466.734	24.337.287.490
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.291.114.160	5.512.568.731
11. Thu nhập khác	31		1.286.459.689	1.049.848.436
12. Chi phí khác	32		375.591.006	67.644.450
13. Lợi nhuận khác	40		910.868.683	982.203.986
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.6	9.201.982.843	6.494.772.717
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	2.392.357.449	568.292.613
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.6	6.809.625.394	5.926.480.104
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	2.626	2.286

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009 (trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.201.982.843	6.494.772.717
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		966.277.443	823.864.556
- Các khoản dự phòng	03		(118.823.343)	682.319.289
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.292.596.477	(581.439.593)
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(917.708.158)	(806.469.587)
- Chi phí lãi vay	06		27.623.449	180.906.285
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		10.451.948.711	6.793.953.667
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		24.386.627.116	(19.934.064.336)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		11.911.274.030	(23.176.585.250)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(19.009.177.050)	6.933.699.397
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		58.501.545	(104.191.273)
- Lãi tiền vay đã trả	13		(27.623.449)	(180.906.285)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.270.273.149)	(95.290.669)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	49.375.505
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(60.000.000)	(163.731.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.441.277.754	(29.877.740.515)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.500.099.665)	(561.593.514)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn	22		400.367.254	127.619.048
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		517.340.904	678.850.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.582.391.507)	244.876.073
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31		-	7.063.940.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.519.877.363	32.360.623.760
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.519.877.363)	(32.360.623.760)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.599.097.360)	(3.670.459.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.599.097.360)	3.393.480.420
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		19.259.788.887	(26.239.384.022)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.664.073.724	57.903.457.746
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		356.516.584	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		51.280.379.195	31.664.073.724

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	117.509.569	114.396.628
Tiền gửi ngân hàng	23.162.869.626	12.549.677.096
Các khoản tương đương tiền	28.000.000.000	19.000.000.000
Cộng	51.280.379.195	31.664.073.724

4.2 Phải thu khách hàng

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	21.050.265.339	10.832.728.122
<i>Tổng công ty hàng không Việt Nam</i>	<i>21.050.265.339</i>	<i>10.784.682.852</i>
<i>Xí nghiệp thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất</i>	<i>-</i>	<i>48.045.270</i>
Các khoản phải thu bên thứ ba	14.646.110.625	33.247.135.509
<i>Công ty TNHH CN - TM ô tô</i>	<i>869.630.673</i>	<i>1.199.630.673</i>
<i>Công ty CP xây lắp & thương mại COMA 25</i>	<i>725.000.457</i>	<i>1.125.000.457</i>
<i>Viet Dragon - Tanzania</i>	<i>725.295.277</i>	<i>1.109.191.777</i>
<i>Phòng bán vé máy bay</i>	<i>1.659.485.975</i>	<i>1.063.912.607</i>
<i>XN liên doanh dầu khí VIETSOPETRO</i>	<i>-</i>	<i>14.479.947.663</i>
<i>Công ty TNHH Việt Phương Nam</i>	<i>1.176.628.738</i>	<i>2.976.628.738</i>
<i>Công ty bay dịch vụ Miền Nam</i>	<i>-</i>	<i>315.739.805</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Sông Lam</i>	<i>3.388.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>6.102.069.505</i>	<i>10.977.083.789</i>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.551.673.039)	(3.744.042.402)
Cộng	32.144.702.925	40.335.821.229

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Hãng Topcast - HongKong	-	5.949.484.790
Hãng Mart - USA	2.381.193.360	3.574.409.626
Công ty Tấn Đức	1.388.734.054	-
Công ty Công trình Hàng không	-	135.803.853
River Star - Liên Bang Nga	2.746.027.051	4.875.668.587
Hãng TLD - HongKong	31.390.400	28.857.000
Công ty TNHH TIC - Việt Nam	-	166.995.780
Snapon Singapore	-	103.594.410
BAOJI China - Trung Quốc	-	8.518.499.469
Các nhà cung cấp khác	1.202.002.510	977.302.475
Cộng	7.749.347.375	24.330.615.990

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Hàng hoá	6.591.926.487	7.772.824.844
Hàng gửi đi bán	9.105.260.366	19.835.636.039
Giá gốc hàng tồn kho	15.697.186.853	27.608.460.883
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(42.229.380)	(14.411.520)
Giá trị thuần	15.654.957.473	27.594.049.363

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	9.775.937.637	2.312.239.016	3.022.309.193	1.891.959.580	17.002.445.426
Mua sắm mới	419.881.676	1.020.880.000	161.237.000	548.995.671	2.150.994.347
XDCB hoàn thành	2.307.411.257	-	-	-	2.307.411.257
Thanh lý, nhượng bán	(516.634.635)	-	(282.920.248)	-	(799.554.883)
Tại ngày 31/12/2010	11.986.595.935	3.333.119.016	2.900.625.945	2.440.955.251	20.661.296.147
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	3.824.391.043	1.426.209.073	2.852.151.092	1.864.303.359	9.967.054.567
Trích khấu hao	547.284.743	215.109.988	115.226.971	88.655.741	966.277.443
Thanh lý, nhượng bán	(141.130.655)	-	(282.920.248)	-	(424.050.903)
Tại ngày 31/12/2010	4.230.545.131	1.641.319.061	2.684.457.815	1.952.959.100	10.509.281.107
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	5.951.546.594	886.029.943	170.158.101	27.656.221	7.035.390.859
Tại ngày 31/12/2010	7.756.050.804	1.691.799.955	216.168.130	487.996.151	10.152.015.040

4.6 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Phải trả bên liên quan	1.946.727.867	2.683.350.141
<i>Tổng công ty hàng không Việt Nam</i>	<i>1.946.727.867</i>	<i>2.683.350.141</i>
Phải trả người bán khác	10.654.654.081	19.410.994.920
<i>Alotkom - Liên Bang Nga</i>	<i>193.850.576</i>	<i>188.861.776</i>
<i>Hãng Foreign trade Dragon Ltd - USA</i>	<i>-</i>	<i>390.442.000</i>
<i>Dester - HongKong</i>	<i>-</i>	<i>820.349.209</i>
<i>Century Trading Co.,Ltd - HongKong</i>	<i>-</i>	<i>1.041.289.812</i>
<i>Hãng TLD - HongKong</i>	<i>519.948.000</i>	<i>2.962.046.580</i>
<i>ADB - Bỉ</i>	<i>4.290.445.029</i>	<i>8.270.028.213</i>
<i>Huanding - Trung Quốc</i>	<i>-</i>	<i>1.976.736.203</i>
<i>Driesen - HongKong</i>	<i>686.010.000</i>	<i>1.029.365.051</i>
<i>Grategroup - Singapore</i>	<i>710.502.000</i>	<i>-</i>
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	<i>4.253.898.476</i>	<i>2.731.876.076</i>
Cộng	12.601.381.948	22.094.345.061

(*): Chi tiết các khoản phải trả từ các bên liên quan được chi tiết tại thuyết minh 6.1 – “Số dư và giao dịch với các bên liên quan”

4.7 Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Trả trước từ các bên liên quan	16.749.771.661	36.141.133.432
Tổng công ty hàng không Việt Nam	16.749.771.661	16.423.301.272
Xí nghiệp thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất	-	19.717.832.160
Trả trước từ bên thứ 3	37.352.595.098	27.175.688.914
Công ty TNHH Kỹ thuật máy bay - VAECO	29.962.559.870	9.156.942.761
Công ty Bay dịch vụ Miền Nam	1.108.294.805	1.599.206.058
Tổng công ty cảng hàng không Miền Trung	-	15.020.115.946
Công ty Bay dịch vụ Miền Bắc	-	249.277.500
Các khách hàng khác	6.281.740.423	1.150.146.649
Cộng	54.102.366.759	63.316.822.346

4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	1.011.350.558	1.341.571.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.686.539.572	564.455.272
Thuế thu nhập cá nhân	49.853.733	81.480.125
Cộng	2.747.743.863	1.987.506.928

(*) Thuế Giá trị gia tăng được trình bày trên Báo cáo tài chính bao gồm: Thuế giá trị gia tăng phải nộp tại Công ty là 1.214.468.129 VND và Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ tại Chi nhánh là 203.117.571 VND.

4.9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, BHYTN	-	52.648.764
Phải trả về cổ phần hóa (*)	-	1.237.279.025
Tạm thu tiền hàng, thuế NK ủy thác PT máy ba	3.200.000.000	3.200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	286.603.319	813.673.837
Cộng	3.486.603.319	5.303.601.626

(*): Đây là khoản Công ty phải trả cho công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam

4.10 Vốn chủ sở hữu

4.10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2009	20.000.000.000	-	3.249.095.304	404.094.065	3.832.640.946	27.485.830.315
Tăng vốn trong kỳ	5.927.400.000	1.136.540.000	-	-	-	7.063.940.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.926.480.104	5.926.480.104
Tăng khác (*)	-	-	-	-	191.223.955	191.223.955
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	(3.634.239.766)	(3.634.239.766)
Chia các quỹ	-	-	809.705.586	358.540.428	(1.662.362.655)	(494.116.641)
Giảm khác	-	-	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	762.634.493	4.617.742.584	36.503.117.967
Tại ngày 01/01/2010	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	762.634.493	4.617.742.584	36.503.117.967
Tăng vốn trong năm	-	-	-	340.481.270	-	340.481.270
Lãi trong năm	-	-	-	-	6.809.625.394	6.809.625.394
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(4.599.097.360)	(4.599.097.360)
Chia các quỹ	-	-	-	-	(858.012.800)	(858.012.800)
Chi thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	(60.000.000)	(60.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.103.115.763	5.910.257.818	38.136.114.471

4.10 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

4.10.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Tên Công ty	Theo giấy chứng nhận đầu tư		Số vốn đã góp				
			Tại ngày 31/12/2010		Tại ngày 01/01/2010		
	1000VND	%	Số cổ phần 1000CP	Số tiền 1000VND	Thặng dư vốn	Số cổ phần 1000C	Số tiền 1000VND
TCT hàng không Việt Nam	10.710.000	41,31	1.071,000	10.710.000	-	1.071,000	10.710.000
Trần Trung Dũng	532.350	2,05	53,235	532.350	-	53,235	532.350
Phạm Hồng Quang	583.400	2,25	58,340	583.400	11.000	58,340	583.400
Các cổ đông khác	14.101.650	54,39	1.410,165	14.101.650	1.125.540	1.410,165	14.101.650
Cộng	25.927.400	100	2.592,74	25.927.400	1.136.540	2.592,74	25.927.400

4.10 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

4.10.3 **Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	2.592.740	2.592.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	2.592.740	2.592.740
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : đồng/cổ phiếu	10.000	10.000

5.1 **Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	234.754.993.966	246.514.187.672
Doanh thu bán hàng hóa	175.756.491.543	209.774.775.535
Doanh thu dịch vụ ủy thác nhập khẩu	17.533.320.079	13.801.173.523
Doanh thu dịch vụ ủy thác vận chuyển	35.159.351.930	17.990.904.986
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	4.871.400.726	3.591.092.948
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	1.222.020.524	1.188.490.589
Doanh thu dịch vụ khác	212.409.164	167.750.091
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(479.753.360)
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	(479.753.360)
Doanh thu thuần	234.754.993.966	246.034.434.312

5.2 **Giá vốn hàng bán**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND (trình bày lại)
Giá vốn bán hàng hóa	164.636.760.184	195.333.458.319
Giá vốn dịch vụ ủy thác vận chuyển	34.172.915.569	17.459.022.664
Giá vốn dịch vụ khác	177.342.480	142.514.060
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	27.817.860	14.411.520
Cộng	199.014.836.093	212.949.406.563

5.3 **Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	892.844.884	678.850.539
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.776.566.568	15.296.548.980
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	699.870.463	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.324.165	13.714.279
Cộng	18.376.606.080	15.989.113.798

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	27.623.449	180.906.285
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.277.236.194	18.509.930.422
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (*)	1.635.950.356	-
Cộng	17.940.809.999	18.690.836.707

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND (trình bày lại)
Chi phí nhân viên quản lý	15.843.213.679	14.035.722.282
Chi phí vật liệu văn phòng	686.540.515	372.314.691
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	346.120.848	264.463.432
Chi phí khấu hao tài sản	966.277.443	845.733.929
Chi phí dự phòng phí	84.661.377	661.791.498
Thuế và các khoản lệ phí	178.045.600	204.009.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.379.748.541	4.471.522.999
Chi phí khác bằng tiền	2.880.858.731	3.481.728.678
Cộng	27.365.466.734	24.337.287.490

5.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	9.201.982.843	6.494.772.717
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh	9.201.982.843	6.494.772.717
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	9.201.982.843	6.494.772.717
Thuế suất (%)	25%	25%
Thuế TNDN ước tính trong năm	2.300.495.711	1.623.693.179
Ưu đãi thuế theo NĐ 187/2004	-	(811.846.590)
Ưu đãi theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	-	(243.553.977)
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu năm	91.861.738	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính	2.392.357.449	568.292.613
Thuế TNDN phải trả đầu năm	564.455.272	69.719.738
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.270.273.149)	(95.290.669)
Thuế TNDN điều chỉnh tăng/giảm	-	21.733.590
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.686.539.572	564.455.272

5.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận thuần của các cổ đông phổ thông	6.809.625.394	5.926.480.104
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.592.740	2.592.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.626	2.286

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó bên liên quan của Công ty là Tổng công ty Hàng không Việt Nam và các công ty con của Tổng công ty.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Doanh thu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng Công ty hàng không Việt Nam	81.649.571.565	40.220.030.258
Xí nghiệp TM mặt đất Đà Nẵng - DIAGS	50.546.046	10.944.199.348
Xí nghiệp TM mặt đất Tân Sơn Nhất	2.518.680.072	1.643.889.688
Xí nghiệp TM mặt đất Nội Bài	120.298.796	31.150.146
Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất	-	307.010.292
Trung tâm khai thác Nội Bài	-	2.524.734.297
Văn phòng khu vực Miền Bắc	-	1.493.237.802
Văn phòng khu vực Miền Nam	-	1.375.372.815
Cộng	84.339.096.479	58.539.624.646

Các khoản phải thu

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	21.050.265.339	10.784.682.852
XN thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất	-	48.045.270
Cộng	21.050.265.339	10.832.728.122

Các khoản phải trả

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
TCT Hàng không Việt Nam (Dư Có TK331)	1.946.727.867	2.683.350.141
TCT Hàng không Việt Nam (Dư Có TK131)	16.749.771.661	16.423.301.272
Cộng	18.696.499.528	19.106.651.413

Ngoài các khoản công nợ thương mại trên, Công ty còn một khoản phải trả về cổ phần hóa cho công ty mẹ, chi tiết tại thuyết minh 4.9 – “Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác”

6.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

6.5 Số liệu so sánh

Trong kỳ kế toán, Công ty đã áp dụng thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2009 (“Thông tư 244”) hướng dẫn điều chỉnh và bổ sung chế độ kế toán hiện hành. Một trong những thay đổi chủ yếu được áp dụng tại Công ty là phân loại Quỹ khen thưởng, phúc lợi như một khoản phải trả (hoặc khoản phải thu nếu Quỹ này âm) trên bảng cân đối kế toán, khác với sự phân loại trước đây là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu.

Thông tư 244 được áp dụng hồi tố. Do đó một số số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.

IV. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **Công ty TNHH kiểm toán DTL-Văn phòng Hà nội.**
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

V. Công ty có liên quan

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

VI. Tổ chức và nhân sự

* *Cơ cấu tổ chức của Công ty:* gồm Hội đồng Quản trị; Ban giám đốc điều hành; Các phòng: Phòng tài chính kế toán, Phòng Hành chính – Quản trị;, Phòng Kế hoạch đầu tư – Lao động tiền lương, Phòng XNK 1, Phòng XNK 2, Phòng XNK 3, Phòng Kinh doanh tổng hợp, Chi nhánh phía Nam.

Theo chiến lược tái cơ cấu, tổ chức lại hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị trực thuộc Công ty. Ngày 07/04/2010 HĐQT Công ty quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty CP xuất nhập khẩu Hàng không - Trung tâm dịch vụ -thương mại - du lịch Hàng không

* *Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:*

- (1) Ông Lê Văn Kim: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần XNK Hàng không.
- (2) Ông Đinh Ngọc Chung: Phó Giám đốc Công ty.
- (3) Ông Nguyễn Đình Thái : Kế toán trưởng Công ty.

* *Thay đổi Ban điều hành trong năm:* Không

* *Quyền lợi của Ban Giám đốc*: Đảm bảo theo quy định của Luật Doanh nghiệp và chế độ của Công ty.

* *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động*:

Số lượng cán bộ, nhân viên: **120** người

Thực hiện quy định khoán về thu nhập đối với một số bộ phận khoán để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năm 2010 lợi nhuận của Công ty tăng cao so với kế hoạch đặt ra cho năm 2010, đồng thời thu nhập bình quân của người lao động cũng tăng. Quyền lợi của cổ đông và người lao động tại Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước và điều lệ của Công ty. Các chính sách đối với người lao động tuân thủ đúng các văn bản quy định của Nhà nước và của Công ty

Cán bộ trong Công ty đã được xem xét, rà soát và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; qua đó một số cán bộ đã được bố trí lại công việc cho phù hợp với tình hình thực tế cả Công ty và năng lực của cán bộ.

Công ty đã tiến hành sắp xếp lại lực lượng lao động ở đơn vị trực thuộc Công ty, tiến hành tự đào tạo và gửi đi các cơ sở để đào tạo, tuyển dụng bổ sung một số lao động có chất lượng cao.

* *Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng*:

- *Thay đổi thành viên HĐQT*: Không
- *Thay đổi Ban giám đốc* : Không
- *Thay đổi thành viên ban kiểm soát*: Không
- *Thay đổi Kế toán trưởng* : Không

VII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và quản trị Công ty:

1. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát:

* *Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát*:

- *Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên và tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp, đó là:*

- 1- Ông Phan Duy Quảng – Chủ tịch
 - + Đại diện phần vốn Nhà nước: 1.071.000 chiếm 41,31% vốn điều lệ
- 2- Ông Lê Văn Kim – Thành viên: Số cổ phần nắm giữ: 1.094.906 cổ phần chiếm 42,22 % *Trong đó:*
 - + Đại diện phần vốn Nhà nước: 1.071.000 chiếm 41,31% vốn điều lệ
 - + Sở hữu cá nhân: 23.906 cổ phần, chiếm 0,92% vốn điều lệ
- 3- Ông Trần Chí Dũng – Thành viên
 - + Đại diện phần vốn Nhà nước: 1.071.000 chiếm 41,31% vốn điều lệ
- 4- Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thành viên.
 - + Sở hữu cá nhân: 13.545 cổ phần, chiếm 0,52% vốn điều lệ
- 5- Ông Phạm Hồng Quang – Thành viên
 - + Sở hữu cá nhân: 58.340 cổ phần, chiếm 2,25% vốn điều lệ

- *Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:*

- 1- Bà Dương Thị Việt Thắm – Trưởng ban
 - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,038% vốn điều lệ
- 2- Bà Đỗ Thu Hằng – Thành viên
 - + Sở hữu cá nhân: 5.005 cổ phần, chiếm 0,193% vốn điều lệ
- 3- Bà Vũ Thị Nguyệt Nga – Thành viên
 - + Sở hữu cá nhân: 6.000 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ

- Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT : không

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : Không

* *Hoạt động của HĐQT*:

Năm 2010 HĐQT duy trì hợp theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty. HĐQT ban hành Nghị quyết hợp hội đồng quản trị và thực hiện đúng nghị quyết hợp hội đồng quản trị.

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28 tháng 04 năm 2010:

- Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2009 và chi trả cổ tức còn lại của năm 2008

- Công ty đã hoàn thành chi thù lao hàng tháng cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát đúng với nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 và phù hợp với quy định của pháp luật .
- Công ty đã hoàn tất việc bàn giao vốn và tài sản từ DNNN sang Công ty cổ phần theo quyết định số 1503/QĐ-HĐTV/TCTHK ngày 20/07/2010.
- Đã thực hiện xong kiểm toán xác định giá trị quyết toán dự án Nhà làm việc 3 tầng
- Công ty đã hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu và thực hiện giao dịch phiên đầu tiên trên sàn tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội ngày 26/10/2010.
- Công ty đang thực hiện Dự án sửa chữa nhà A theo đúng nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Một số vấn đề khác: Năm 2010 Công ty đã tích cực thu hồi công nợ đặc biệt là một số khoản nợ lâu ngày, nợ khó đòi giúp Công ty có thêm vốn để kinh doanh, tăng thêm hiệu quả. Công ty ban hành thêm một số quy chế, quy định nhằm tăng thêm hiệu quả công tác quản trị.

** Thành viên HĐQT độc lập không điều hành:*

(1) Ông Phan Duy Quảng – Cán bộ của Tổng công ty Hàng không Việt Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần XNK Hàng không.

(2) Ông Trần Chí Dũng – Cán bộ Tổng công ty Hàng không Việt Nam kiêm uỷ viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần XNK Hàng không.

** Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Ban kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần XNK Hàng không đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Cụ thể một số hoạt động sau:

- + Giám sát Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- + Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010. Giám sát việc Công ty thực hiện pháp luật NN (Quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghĩa vụ với NSNN và chính sách chế độ đối với người lao động...)
- + Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty hàng năm.
- + Đưa ra ý kiến, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty.

** Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:*

Năm 2010:

- Thù lao hàng tháng cho thành viên HĐQT và BKS : 138.000.000 triệu đồng.

Chi tiết như sau:

Số	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
1	Phan Duy Quảng	Chủ tịch HĐQT	24.000.000
2	Lê Văn Kim	Ủy viên HĐQT	18.000.000
3	Trần Chí Dũng	Ủy viên HĐQT	18.000.000
4	Nguyễn Thị Kim Liên	Ủy viên HĐQT	18.000.000
5	Phạm Hồng Quang	Ủy viên HĐQT	18.000.000
6	Dương Thị Việt Thắm	Trưởng ban kiểm soát	18.000.000
7	Vũ Thị Nguyệt Nga	Ủy viên BKS	12.000.000
8	Đỗ Thu Hằng	Ủy viên BKS	12.000.000
	Tổng cộng :		138.000.000

Năm 2011, đề nghị mức thù lao hàng tháng cho thành viên HĐQT và BKS: 138 triệu đồng.

2. Các số liệu thống kê về cổ đông:

** Cổ đông trong nước: 232 Cổ đông – chiếm 99,996 %.*

Trong đó cổ đông Tổ chức : 04 cổ đông - chiếm 41,62% gồm:

- Tổng công ty Hàng không Việt Nam nắm giữ 1.071.000 cổ phần

- Chi nhánh ngân hàng đầu tư và phát triển Đông Đô nắm giữ 8.000 cổ phần
- Công ty CP chứng khoán Sài Gòn nắm giữ 50 cổ phần
- Công ty CP chứng khoán TP.HCM nắm giữ 30 cổ phần
- * *Cổ đông nước ngoài*: 01 – chiếm 0,004 %.
- * *Cổ đông sáng lập*, bao gồm:
 - Tổng công ty Hàng không Việt Nam nắm giữ 1.071.000 cổ phần
Địa chỉ: Sân bay Gia Lâm, Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội
 - Trần Trung Dũng nắm giữ 52.735 cổ phần
Địa chỉ: 80/3 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
 - Phạm Hồng Quang nắm giữ 58.340 cổ phần
Địa chỉ: 242 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2011

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN; SGDCK HN
- LưuVT; Phòng TC-KT

Lê Văn Kim

TT	Tài sản	31/12/2009	TT	Nguồn vốn	31/12/2009
A	Tài sản ngắn hạn	125.342.753.845	A	Nợ phải trả	95.760.749.447
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	31.664.073.724	I	Nợ ngắn hạn	95.595.302.870
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	II	Nợ dài hạn	165.446.577
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	65.612.624.672			
IV	Hàng tồn kho	27.594.049.363			
V	Tài sản ngắn hạn khác	472.006.086			
B	Tài sản dài hạn	7.593.815.032	B	Vốn chủ sở hữu	37.175.819.430
I	Các khoản phải thu dài hạn	0	I	Vốn chủ sở hữu	36.503.117.967
II	Tài sản cố định	7.573.815.032	II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	672.701.463
III	Bất động sản đầu tư	0			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.000.000			
V	Tài sản dài hạn khác	0			
	Tổng	132.936.568.877		Tổng	132.936.568.877
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 4,46%					
Tỷ suất lợi sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu: 15,94%					
Khả năng thanh toán nhanh: 0,33 lần					
Khả năng thanh toán hiện hành: 1,31 lần					

- Tổng số cổ phiếu: 2.592.740 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.592.740 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: 0
- Cổ tức chia cho cổ đông năm 2009(*Dự kiến*): 1.739 VNĐ/cổ phiếu
(Đã bao gồm cổ tức bổ sung của năm 2008 sau kiểm toán Nhà nước)